

ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VIỆT TÝ *

Tóm tắt: Tòa án nhân dân và trọng tài thương mại là các thiết chế tài phán kinh tế ở Việt Nam hiện nay, đều có chức năng giải quyết tranh chấp thương mại phát sinh trong nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, mỗi thiết chế có những đặc trưng riêng. Nếu như tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp thì trọng tài thương mại lại là tổ chức xã hội-nghề nghiệp, một loại "tòa án tư". Bài viết tập trung làm sáng tỏ những đặc trưng về tổ chức, về thủ tục tố tụng của trọng tài thương mại trong mối quan hệ so sánh với tòa án nhân dân, qua đó góp phần xác định đúng đắn hơn bản chất của trọng tài thương mại, giúp các thương nhân có sự lựa chọn hình thức tài phán thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình, cũng như tạo cơ sở lý luận cho việc hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại.

Từ khóa: Đặc trưng cơ bản; trọng tài thương mại; Việt Nam

Nhận bài: 21/3/2019

Hoàn thành biên tập: 12/6/2019

Duyệt đăng: 20/6/2019

FUNDAMENTAL FEATURES OF COMMERCIAL ARBITRATION IN VIETNAM

Abstract: People's courts and commercial arbitration are current institutions of economic adjudication in Vietnam which both have the function to resolve commercial disputes arising in market economy. Each institution, however, has its own features. While people's courts function as the judicial bodies of the Socialist Republic of Vietnam, exercising judicial power, commercial arbitration is a social-professional organisation which functions as a "private court". The paper focuses on clarifying the features, organisation and procedures of commercial arbitration in comparison with people's courts and thereby contributes to a more accurate understanding of the nature of commercial arbitration. This will help businessmen select a form of adjudication which are relevant to their own circumstances and establish a theoretical basis for improving the law on commercial arbitration.

Keywords: Fundamental feature; commercial arbitration; Vietnam

Received: Mar 21st, 2019; Editing completed: June 12th, 2019; Accepted for publication: June 20th, 2019

1. Dẫn nhập

Trong thời kì từ năm 1960 đến năm 1986, nền kinh tế Việt Nam được quản lí bằng một kế hoạch tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, từ trung ương đến các đơn vị kinh tế cơ sở. Hợp đồng kinh tế là cơ sở để xây dựng và thực hiện kế hoạch, mọi chỉ tiêu kế hoạch được cụ thể hoá, chi tiết hoá thành

các điều khoản trong hợp đồng kinh tế giữa các đơn vị kinh tế xã hội chủ nghĩa (XHCN). Lúc bấy giờ, tranh chấp kinh tế được hiểu là tranh chấp giữa các tổ chức kinh tế XHCN vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế và các tranh chấp hợp đồng kinh tế do trọng tài nhà nước về kinh tế⁽¹⁾ giải quyết.

* Giảng viên cao cấp, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: nguyenvietty@hlu.edu.vn

(1). Bài viết sử dụng thuật ngữ này theo tinh thần của khoản 13 Điều 107 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980.

Trọng tài kinh tế nhà nước xuất hiện và phát triển cùng với sự phát triển của chế độ hợp đồng kinh tế. Điều đó dễ dàng nhận thấy qua sự hình thành và phát triển của pháp luật hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế.

Năm 1960, khi Việt Nam bắt tay vào việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 04/TTg ngày 04/01/1960, kèm theo Điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan nhà nước. Theo tinh thần của Điều lệ này, việc kí kết và thực hiện hợp đồng kinh tế nhằm thực hiện kế hoạch của Nhà nước; kí kết hợp đồng kinh tế là kỉ luật bắt buộc trong quan hệ kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh, cơ quan nhà nước. Để đảm bảo kỉ luật bắt buộc trong kí kết hợp đồng kinh tế nói riêng và quản lí công tác hợp đồng kinh tế nói chung, ngày 14/11/1960 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/TTg về tổ chức trọng tài kinh tế nhà nước. Theo Nghị định này, các cơ quan trọng tài kinh tế được tổ chức ở cấp trung ương, khu, thành phố, tỉnh và bộ với chức năng chủ yếu là xét xử các tranh chấp hợp đồng kinh tế.

Thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng Khóa III,⁽²⁾ Chính phủ đã ban hành Nghị định số 54/CP ngày 10/3/1975 về Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế. Hơn một tháng sau đó, ngày 14/4/1975, Chính phủ ban hành Nghị định số 75/CP về

Điều lệ tổ chức và hoạt động của trọng tài kinh tế nhà nước. Theo Nghị định này, trọng tài kinh tế được thành lập như một cơ quan nhà nước có chức năng quản lí công tác hợp đồng kinh tế với nội dung: giữ vững tinh kỉ luật nhà nước về hợp đồng kinh tế, giải quyết các tranh chấp hợp đồng kinh tế và xử lí các vi phạm hợp đồng kinh tế.

Từ năm 1986, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đổi mới cơ chế quản lí kinh tế và sau đó là xây dựng nền kinh tế thị trường. Chủ trương mới này đặt ra yêu cầu phải đổi mới những quy định pháp luật về hợp đồng kinh tế, trong đó yêu cầu bao trùm là phải trả lại giá trị đích thực của hợp đồng kinh tế - sự thống nhất ý chí của các bên. Đáp ứng yêu cầu đó, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế (ngày 25/9/1989). Sau đó, ngày 10/01/1990 Hội đồng Nhà nước cũng đã ban hành Pháp lệnh về trọng tài kinh tế, quy định về tổ chức, phân cấp thẩm quyền, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế. Trọng tài kinh tế từ chỗ là cơ quan nhà nước có chức năng chủ yếu là xử lí các vi phạm hợp đồng kinh tế,⁽³⁾ đã phát triển thành cơ quan nhà nước có chức năng chủ yếu là quản lí công tác hợp đồng kinh tế.⁽⁴⁾

Như vậy, ở Việt Nam, trọng tài kinh tế xuất hiện từ thời kì kinh tế kế hoạch hoá tập

(2). Nghị quyết số 20 của Ban chấp hành trung ương Đảng Khoá III năm 1972 và Nghị quyết số 22 của Ban chấp hành trung ương Đảng Khoá III năm 1973.

(3). Theo Nghị định số 20/TTg ngày 14/11/1960 ban hành kèm theo Điều lệ tạm thời về hợp đồng kinh tế.

(4). Theo Nghị định số 75/CP ngày 14/4/1975 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của trọng tài kinh tế nhà nước và Pháp lệnh trọng tài kinh tế ngày 10/01/1990.

trung vào những năm đầu thập kỉ thứ 6 của thế kỉ XX. Trọng tài kinh tế khi đó có những đặc trưng phản ánh sự vận hành của cơ chế kinh tế kế hoạch hoá, vừa mang chức năng quản lí nhà nước vừa có chức năng giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể sản xuất-kinh doanh. Đặc biệt, trong những năm đầu thập niên 90 của thế kỉ XX, trọng tài kinh tế còn có thêm chức năng tuyên bố phá sản doanh nghiệp tư nhân và công ti.⁽⁵⁾ Trọng tài kinh tế ở Việt Nam thời kì đó không phải là trọng tài thương mại theo đúng nghĩa.

Chính sách đổi mới mà nội dung cơ bản của nó là ủng hộ sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền đã dẫn tới sự chấm dứt tồn tại của một số định chế đặc trưng cho nền kinh tế kế hoạch hoá như hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế, đồng thời cũng làm phát sinh một số thiết chế mới⁽⁶⁾ trong đó có các trung tâm trọng tài thương mại theo đúng nghĩa của nó ở nước ta.

Cũng cần lưu ý, trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, vào những năm đầu thập kỉ thứ 6 của thế kỉ XX, song song tồn tại với trọng tài kinh tế nhà nước - cơ quan giải quyết các tranh chấp hợp đồng kinh tế giữa các tổ chức kinh tế XHCN trong nước, có Hội đồng trọng tài ngoại thương và Hội

đồng trọng tài hàng hải là hai thiết chế trọng tài thương mại đầu tiên ở Việt Nam.⁽⁷⁾ Việc thành lập hai hội đồng trọng tài này nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế lúc bấy giờ (Việt Nam là thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế) nói chung và nhằm giải quyết các tranh chấp kinh doanh quốc tế ở nước ta nói riêng. Hội đồng trọng tài ngoại thương và Hội đồng trọng tài hàng hải bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam. Hội đồng trọng tài ngoại thương và Hội đồng trọng tài hàng hải hoạt động theo điều lệ do Nhà nước phê chuẩn và chịu sự giám sát của Nhà nước.

Trọng tài thương mại có thể được nghiên cứu ở các bình diện khác nhau như là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại hoặc là thiết chế giải quyết tranh chấp thương mại.

Ở bình diện là phương thức giải quyết tranh chấp, trọng tài thương mại được nghiên cứu như một thủ tục tố tụng đặc thù (so với toà án), theo đó khi có tranh chấp, các bên có thể thoả thuận mời một trọng tài viên duy nhất hoặc một hội đồng trọng tài để xem xét (giải quyết), đưa ra phán quyết và phán quyết đó có ý nghĩa chung thẩm, có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các bên.

Là thiết chế giải quyết tranh chấp kinh doanh, trọng tài thương mại được hiểu là tổ chức xã hội-nghề nghiệp, do các trọng tài

(5). Điều 17 Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990 và Điều 24 Luật công ti năm 1990.

(6). Nguyễn Viết Tý, *Phương hướng hoàn thiện pháp luật kinh tế trong điều kiện có Bộ luật dân sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2002, tr. 25.

(7). Hội đồng trọng tài ngoại thương được thành lập trên cơ sở Nghị định số 59/CP ngày 30/4/1963; Hội đồng trọng tài hàng hải được thành lập trên cơ sở Nghị định số 153/CP ngày 05/10/1964.

viên tự nguyện thành lập để giải quyết các tranh chấp thương mại theo sự thoả thuận của các bên tranh chấp.⁽⁸⁾

Dưới đây bài viết tập trung nghiên cứu trọng tài với tư cách là thiết chế giải quyết tranh chấp thương mại, nhằm xác định bản chất và những ưu thế nổi bật của thiết chế tài phán này so với toà án.

Nghiên cứu trọng tài thương mại ở các nước trên thế giới, dễ dàng nhìn thấy, chúng có những điểm khác nhau về tên gọi, về mô hình tổ chức, về hình thức tồn tại. Những sự khác nhau đó là do đặc điểm phát triển kinh tế xã hội cũng như tập quán lập pháp của mỗi nước⁽⁹⁾ nhưng nhìn chung, chúng có chung bản chất. Bản chất của trọng tài được thể hiện trong những đặc trưng về cơ cấu tổ chức và về thủ tục tố tụng. Nghiên cứu các đặc trưng về cơ cấu tổ chức cũng như thủ tục tố tụng của trọng tài thương mại được đặt trong mối quan hệ so sánh với cơ cấu tổ chức và thủ tục tố tụng của toà án - cơ quan xét xử của Nhà nước.

2. Đặc trưng về tổ chức của trọng tài thương mại

Thứ nhất, trọng tài thương mại là tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Khác biệt cơ bản với toà án nhân dân –

cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp, trọng tài thương mại tồn tại với tư cách là tổ chức xã hội-nghề nghiệp, không nằm trong hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước và cũng không phải là cơ quan tài phán tư pháp. Trung tâm trọng tài thương mại là tổ chức xã hội-nghề nghiệp của các thương nhân, được thành lập để giải quyết các tranh chấp thương mại, qua đó góp phần bảo vệ quyền lợi cho các thương nhân. Tổ chức trọng tài không là cơ quan nhà nước như trọng tài kinh tế trước đây, không trực tiếp chịu sự can thiệp của Nhà nước về tổ chức, nhân sự, tài chính. Chính vì vậy, trọng tài thương mại còn được gọi là trọng tài phi chính phủ. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, dù có tên gọi là tổ chức phi chính phủ, không được Nhà nước thành lập và không đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Nhà nước nhưng hoạt động của các trung tâm trọng tài thương mại vẫn chịu sự chi phối của Nhà nước ở những mức độ nhất định. Nhà nước thực hiện sự chi phối này thông qua hệ thống pháp luật do Nhà nước ban hành. Các trung tâm trọng tài hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật như các tổ chức xã hội nghề-nghiệp khác.

Thứ hai, các trung tâm trọng tài thương mại tồn tại và hoạt động độc lập, bình đẳng với nhau

Ngoài sự độc lập về tổ chức và tài chính đối với Nhà nước, các trung tâm trọng tài độc lập với nhau, giữa chúng không có mối quan hệ trực thuộc mà chỉ có quan hệ hợp tác. Các trung tâm đều có vị trí bình đẳng

(8). Bùi Ngọc Cường, *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 145.

(9). Bùi Thị Thanh Tuyết, *Một số ý kiến về giải quyết tranh chấp kinh tế bằng trọng tài trong lĩnh vực thương mại ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp bộ, Mã số B202-39-26, Bộ giáo dục và đào tạo, 2003, tr. 31 - 36.

cho dù đó là trọng tài trong nước hay quốc tế, là trọng tài được thành lập từ lâu, có uy tín trên thương trường hay trọng tài mới được thành lập, chưa nhiều người biết đến. Khi có tranh chấp xảy ra, các đương sự có thể yêu cầu bất kì trung tâm trọng tài nào đứng ra giải quyết tranh chấp; mọi phán quyết của các trung tâm trọng tài đều có giá trị pháp lí như nhau. Tuy nhiên, quy tắc tố tụng và mức thu lệ phí trọng tài là những nội dung thường có sự quy định khác nhau ở các trung tâm trọng tài.

Thứ ba, cơ cấu tổ chức của trọng tài thương mại gọn nhẹ

Cơ cấu tổ chức của mỗi trung tâm trọng tài thường gọn nhẹ và linh hoạt. Nếu là trọng tài ad-hoc thì hội đồng trọng tài tối đa cũng chỉ gồm 3 trọng tài viên, còn trọng tài thường trực (trọng tài quy chế) thì cơ cấu tổ chức cũng chỉ có bộ phận thường trực (gồm chủ tịch, phó chủ tịch, ban thư kí) và danh sách trọng tài viên. Trong trường hợp trọng tài được tổ chức dưới hình thức công ti thì tổ chức của nó cũng gọn nhẹ hơn nhiều so với cơ cấu tổ chức của công ti kinh doanh. Kinh phí hoạt động của trung tâm trọng tài được lấy từ các khoản thu của trung tâm, các khoản thu và mức thu của các khoản đó do chính trung tâm trọng tài quyết định.

Thứ tư, trọng tài viên ở các trung tâm trọng tài thương mại

Hoạt động giải quyết tranh chấp ở các trung tâm trọng tài được tiến hành bởi đội ngũ trọng tài viên. Khác với thẩm phán ở các cơ quan toà án (là các công chức nhà nước),

trọng tài viên ở các trung tâm trọng tài thương mại không là công chức, viên chức nhà nước. Viên chức nhà nước có thể là trọng tài viên ở các trung tâm trọng tài thương mại khi họ có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật⁽¹⁰⁾ cũng như quy định về tiêu chuẩn trọng tài viên ở các trung tâm trọng tài cụ thể⁽¹¹⁾ và được trung tâm trọng tài đưa vào danh sách trọng tài viên của trung tâm trọng tài thương mại đó. Tuy nhiên, khi họ hoạt động tại trung tâm trọng tài không được lấy tư cách là viên chức nhà nước và không được hưởng các quyền và gánh chịu các nghĩa vụ của viên chức nhà nước. Các trọng tài viên được trả thù lao cho từng vụ việc. Họ có thể làm việc tại trung tâm theo chế độ thường xuyên hoặc theo chế độ khác.

Thứ năm, các trung tâm trọng tài thương mại có quy tắc tố tụng riêng

Khác với toà án (tất cả các toà án nhân dân tỉnh, thành, quận, huyện, khi giải quyết tranh chấp đều dựa trên cơ sở Bộ luật tố tụng dân sự), mỗi trung tâm trọng tài thương mại đều có bản quy tắc tố tụng riêng. Quy tắc tố tụng của mỗi trung tâm trọng tài thương mại có thể sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo từng thời kì. Ví dụ, cho đến nay, Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) đã có 3 quy tắc tố tụng là: 1) Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam

(10). Điều 20 Luật trọng tài thương mại năm 2010.

(11). Điều 4 Quyết định số 204/TTg, ngày 28/4/1993 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam.

bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, được ban hành kèm theo Quyết định số 204/TTg, ngày 28/4/1993 của Thủ tướng Chính phủ, về tổ chức Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam; 2) Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2012) và mới nhất là 3) Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2017). Bản quy tắc tố tụng của từng Trung tâm trọng tài thương mại quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp phù hợp với Trung tâm trọng tài của mình. Mặc dù có những đặc thù riêng của mỗi Trung tâm trọng tài thương mại nhưng các bản quy tắc tố tụng đó đều được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản đã được quy định trong bản quy tắc trọng tài của Ủy ban luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL). Bản quy tắc trọng tài của Ủy ban luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc là bản quy tắc về trọng tài quốc tế quy định các nguyên tắc cơ bản trong quá trình xét xử các tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế, được Ủy ban luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc thông qua ngày 28/4/1976 và được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 15/12/1976.

Thứ sáu, trọng tài thương mại hoạt động dưới sự hỗ trợ của cơ quan tư pháp

Khác với nhiều tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề-nghiệp khác, trọng tài thương mại tồn tại và hoạt động luôn cần có được sự hỗ trợ của Nhà nước; nếu không có sự hỗ trợ

đó thì hoạt động của trọng tài thương mại sẽ không hiệu quả, thậm chí là không thể tồn tại. Nhà nước cần coi sự hỗ trợ đối với trọng tài thương mại là trách nhiệm của mình, bởi lẽ bằng hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại (hoạt động chính) của trọng tài thương mại thực chất đang “chia sẻ” gánh nặng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh với Nhà nước. Mặt khác, khi giải quyết tranh chấp, trọng tài thương mại sẽ đưa ra các phán quyết và nếu các phán quyết đó không được các bên tự nguyện thi hành và không có sự cưỡng chế thi hành từ phía Nhà nước thì chắc chắn hoạt động của trọng tài sẽ không có hiệu quả và uy tín của trọng tài thương mại đối với các bên có tranh chấp gần như bằng không.

Trên thực tế, pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam trong giai đoạn đầu (theo Nghị định số 116/CP) đã không những không có quy định về sự hỗ trợ của cơ quan tư pháp đối hoạt động của các trung tâm trọng tài kinh tế, mà còn có những quy định “vô hiệu hoá” các quy định khác của Nghị định này.⁽¹²⁾ Sự hỗ trợ của các cơ quan tư pháp đối với trọng tài thương mại chỉ bắt đầu được ghi nhận trong Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003,⁽¹³⁾ tuy nhiên sự hỗ trợ của toà án vẫn còn hạn chế. Chỉ đến khi có Luật trọng tài thương mại năm 2010, sự hỗ trợ của các cơ quan tư pháp đối với

(12). Điều 31 Nghị định số 116/CP ngày 05/9/1994.

(13). Các điều 33, 34, 35, 48, 57 Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003.

trọng tài thương mại mới được quy định tương đối đầy đủ. Theo Luật trọng tài thương mại năm 2010, các hình thức hỗ trợ của cơ quan tư pháp đối với trọng tài thương mại gồm: 1) Toà án từ chối giải quyết tranh chấp khi giữa các bên tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài; 2) Toà án chỉ định, thay đổi trọng tài viên đối với trọng tài vụ việc; 3) Toà án xem xét thoả thuận trọng tài, thẩm quyền giải quyết tranh chấp của hội đồng trọng tài; 4) Toà án hỗ trợ việc thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời; 5) Toà án hỗ trợ trong việc huỷ phán quyết trọng tài; 6) Cơ quan thi hành án hỗ trợ trọng tài trong việc thi hành phán quyết của trọng tài thương mại.⁽¹⁴⁾

3. Đặc trưng cơ bản của tổ tụng trọng tài thương mại

Như trên đã phân tích, trọng tài thương mại ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu của các thương nhân là bảo vệ uy tín, bảo vệ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp (thương nhân) theo thủ tục tổ tụng riêng, phù hợp với những nhu cầu có tính chất nghề nghiệp của họ mà tổ tụng toà án không thể đáp ứng được.

So sánh với thủ tục tổ tụng dân sự (được quy định trong Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015) thì thủ tục tổ tụng của trọng tài thương

mại (được ghi nhận trong các quy tắc tổ tụng của từng trung tâm trọng tài thương mại,⁽¹⁵⁾ Luật trọng tài thương mại năm 2010, Bản quy tắc trọng tài của Uỷ ban luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL) năm 1976) có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, đặc trưng trong phân định thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong tổ tụng dân sự được phân định theo quy định của pháp luật, dựa trên nội dung của vụ tranh chấp, theo nguyên tắc lãnh thổ hay theo sự lựa chọn của nguyên đơn.⁽¹⁶⁾

Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp thương mại của trọng tài thương mại được phân định dựa trên sự thoả thuận lựa chọn của đương sự mà không phụ thuộc vào nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở chính của bên bị đơn. Để tranh chấp được giải quyết tại trọng tài thương mại, các bên phải có sự thoả thuận rõ ràng “điều khoản trọng tài” khi xác lập quan hệ hợp đồng hoặc một văn bản thoả thuận riêng sau khi có tranh chấp phát sinh và chỉ có trung tâm trọng tài thương mại được các bên thoả thuận lựa chọn thì mới có quyền thụ lý và giải quyết. Những trường hợp không có sự thoả thuận của các bên đương sự về lựa chọn trọng tài thì trung tâm trọng tài không có quyền thụ lý và phải trả lại đơn cho đương sự. Đây là nguyên tắc rất

(14). Xem thêm: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật thương mại*, Tập 2, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2017, tr. 367 - 378.

(15). Ví dụ, Quy tắc tổ tụng của VIAC năm 2017, Quy tắc tổ tụng của Trung tâm trọng tài thương mại phía Nam (STAC) năm 2017.

(16). Các điều 30, 35, 36, 37, 39, 40 Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015.

quan trọng của tổ tụng trọng tài, góp phần đảm bảo đến mức tối đa quyền tự định đoạt của các bên đương sự.

Theo Alan Redfern, Martin Hunter, Nigel Blackaby và Constantine Partasides: *"Một hội đồng trọng tài chỉ có thể quyết định các tranh chấp mà các bên đã thoả thuận đưa ra trọng tài giải quyết. Đây là nguyên tắc bất di bất dịch và là hệ quả chính thức của bản chất tự nguyện của trọng tài. Trong hoạt động trọng tài được thoả thuận, thẩm quyền hoặc quyền hạn của hội đồng trọng tài phát sinh từ thoả thuận của các bên; ngoài ra, trên thực tế, không còn nguồn nào khác làm phát sinh thẩm quyền"*.⁽¹⁷⁾

Thứ hai, trọng tài thương mại chỉ xét xử một lần

Trong tổ tụng toà án, một vụ kiện dân sự có thể được xét xử nhiều lần theo nhiều trình tự khác nhau (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm). Trong khi đó, thù tục tổ tụng trọng tài không hình thành nhiều cấp xét xử vì các tranh chấp thương mại đưa ra trọng tài chỉ được xét xử một lần; phán quyết của trọng tài là chung thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị và các bên có nghĩa vụ phải thi hành, trừ trường hợp bị toà án huỷ. Điều này có thể lí giải bởi cách thức tổ chức hai hệ thống cơ quan tài phán này khác nhau: Toà án được tổ chức theo nhiều cấp (Toà án nhân dân tối cao, toà án nhân dân cấp cao,

toà án nhân dân tỉnh, thành phố, toà án nhân dân huyện, quận); toà án nhân dân cấp dưới còn trực thuộc toà án nhân dân cấp trên. Trong khi đó, các trung tâm trọng tài thương mại hoàn toàn độc lập với nhau về tổ chức, cho dù trên thực tế có những trung tâm trọng tài lớn, có những trung tâm trọng tài nhỏ, uy tín thấp.

Việc xét xử tại các trung tâm trọng tài thương mại chỉ được thực hiện một lần có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giải quyết tranh chấp thương mại. Trên cơ sở nguyên tắc này, quá trình giải quyết tranh chấp có thể được rút ngắn, tiết kiệm được chi phí cho các bên tranh chấp và hạn chế tối đa sự gián đoạn trong kinh doanh.

Thứ ba, trong tổ tụng trọng tài không áp dụng nguyên tắc xét xử tập thể

Trong tổ tụng toà án, việc xét xử được thực hiện theo nguyên tắc xét xử tập thể, theo đó *"toà án xét xử tập thể vụ án dân sự và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thù tục rút gọn"*.⁽¹⁸⁾ Tham gia phiên toà xét xử, bên cạnh thẩm phán hoặc hội đồng thẩm phán còn có các hội thẩm nhân dân, trừ trường hợp xét xử theo thù tục rút gọn, khi biểu quyết về quyết định giải quyết vụ án dân sự, hội thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán.⁽¹⁹⁾ Khác với tổ tụng toà án, tổ tụng trọng tài không áp dụng nguyên tắc xét xử tập thể.⁽²⁰⁾ Việc giải

(17). Alan Redfern, Martin Hunter, Nigel Blackaby và Constantine Partasides, *Pháp luật và thực tiễn trọng tài thương mại quốc tế*, Sweet & Maxwell, London, 2005, tr. 300.

(18). Điều 14 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

(19). Điều 11 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

(20). Điều 10 Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại quốc

quyết tranh chấp bởi bao nhiêu trọng tài viên là căn cứ vào ý chí của các bên tranh chấp. Thành phần hội đồng trọng tài có thể bao gồm một hoặc nhiều trọng tài viên theo sự thoả thuận của các bên; trong trường hợp các bên không có thoả thuận về số lượng trọng tài viên thì hội đồng trọng tài bao gồm ba trọng tài viên. Trường hợp có một hội đồng trọng tài, các trọng tài viên cũng độc lập đánh giá sự việc theo cách hiểu của mình một cách khách quan, trung thực. Chính sự độc lập, khách quan đó đảm bảo cho quyền tự chủ của các trọng tài viên, đồng thời đảm bảo được tính chính xác cao của các phán quyết trọng tài.

Thứ tư, phiên họp giải quyết tranh chấp của trọng tài được tiến hành không công khai⁽²¹⁾

Trong tổ tụng dân sự, toà án xét xử công khai, trừ trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ.⁽²²⁾ Khác với nguyên tắc này, quá trình giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại được thực hiện theo nguyên tắc không công khai, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác. Về nguyên tắc, tham gia phiên họp chỉ có thành viên của hội đồng trọng tài và đại diện của các bên. Hội đồng trọng tài chỉ được phép cho những người

khác tham dự phiên họp khi có sự đồng ý của các bên. Nguyên tắc họp kín làm cho việc xét xử của trọng tài thương mại có tính chất nội bộ, góp phần bảo vệ bí mật trong hoạt động kinh doanh.

Thứ năm, trọng tài viên giải quyết tranh chấp do các đương sự lựa chọn

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thẩm phán thụ lý vụ án cũng như thẩm phán giải quyết vụ án do chánh án toà án quyết định phân công,⁽²³⁾ còn trong tổ tụng trọng tài, trọng tài viên tham gia giải quyết tranh chấp thương mại, về nguyên tắc, do các bên lựa chọn⁽²⁴⁾ trong danh sách trọng tài viên. Chủ tịch trung tâm trọng tài chỉ có quyền chỉ định trọng tài viên trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc các đương sự không lựa chọn trọng tài viên cho mình. Các trọng tài viên hoàn toàn độc lập, khách quan, vô tư trong việc giải quyết tranh chấp, không bị chi phối bởi ý chí của bất kì người nào. Chính vì vậy, phán quyết của trọng tài đảm bảo sự công bằng. Pháp luật cũng quy định cho các đương sự có quyền từ chối trọng tài viên nếu có cơ sở cho rằng, họ sẽ không vô tư trong việc giải quyết tranh chấp. Các trường hợp từ chối trọng tài viên được quy định cụ thể trong Luật trọng tài thương mại năm 2010, cũng như trong quy tắc tổ tụng trọng tài của các trung tâm trọng

(23). Khoản 2 Điều 191 và khoản 2 Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

(24). Các điều 40, 41 Luật trọng tài thương mại năm 2010 và các điều 12, 13 Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC năm 2017.

tế và Điều 39 Luật trọng tài thương mại năm 2010.

(21). Khoản 4 Điều 4 Luật trọng tài thương mại năm 2010.

(22). Khoản 2 Điều 15 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

tài, chẳng hạn như Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC năm 2017.⁽²⁵⁾

Tóm lại, trọng tài thương mại là tổ chức xã hội-nghề nghiệp, được thành lập theo nhu cầu của thương nhân để giải quyết các tranh chấp thương mại. Khi được lựa chọn, trọng tài thương mại sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp thương mại theo thủ tục tố tụng nhất định, đưa ra phán quyết và phán quyết đó được đảm bảo thi hành. Trọng tài thương mại là hình thức tài phán, tồn tại song song với toà án, được toà án hỗ trợ trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại phát sinh trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Trọng tài thương mại là một trong hai loại thiết chế có chức năng giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh ở Việt Nam. So với toà án trọng tài thương mại có những đặc trưng riêng của nó là: 1) về bản chất, trọng tài thương mại là tổ chức xã hội-nghề nghiệp, được thành lập để giải quyết các tranh chấp thương mại khi các bên tranh chấp có sự lựa chọn; 2) về nguyên tắc giải quyết tranh chấp, ngoài những nguyên tắc giống với nguyên tắc trong tố tụng dân sự, việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại còn có những nguyên tắc đặc trưng như: nguyên tắc tôn trọng thoả thuận trọng tài, nguyên tắc xét xử một lần, nguyên tắc xét xử không công khai; 3) về thẩm quyền, trọng tài thương mại chỉ có thẩm

quyền giải quyết tranh chấp thương mại khi các bên có thoả thuận lựa chọn; 4) về thủ tục tố tụng, việc giải quyết tranh chấp của tất cả các toà án nhân dân từ trung ương đến địa phương được tiến hành trên cơ sở quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong khi đó, mỗi trung tâm trọng tài thương mại lại có quy tắc tố tụng riêng và khi giải quyết tranh chấp trọng tài thương mại được lựa chọn sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp theo quy tắc tố tụng của mình hoặc theo quy tắc tố tụng do các bên lựa chọn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alan Redfern, Martin Hunter, Nigel Blackaby và Constantine Partasides, *Pháp luật và thực tiễn trọng tài thương mại quốc tế*, Sweet & Maxwell, London, 2005.
2. Bùi Ngọc Cường, *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
3. Bùi Thị Thanh Tuyết, *Một số ý kiến về giải quyết tranh chấp kinh tế bằng trọng tài trong lĩnh vực thương mại ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp bộ, Mã số B202-39-26, Bộ giáo dục và đào tạo, 2003.
4. Nguyễn Việt Tý, *Phương hướng hoàn thiện pháp luật kinh tế trong điều kiện có Bộ luật dân sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2002.
5. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật thương mại*, Tập 2, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2017.

(25). Điều 42 Luật trọng tài thương mại năm 2010 và khoản 1 Điều 17, khoản 3 Điều 16 Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC năm 2017.